

Trên đời này không có cái gì không mất, có thể xa tít mù khơi đến nỗi đến hàng trăm tỉ lít u, xem hàng ngàn con số vẫn lờn không ra...

Nhưng cũng rất gần như vũng nước trước nhà sau cửa nhà... Đó là thế ai đi mượn, ai đã cầm cũng không ai biết... Song mọi người trong cuộc gia này đều có nghĩa vụ phải trả. Họ đành xử thì con họ phải trả, con họ bắt trả thì cháu họ phải trả ra mà trả... Đó là nợ công Việt Nam.



Nợ công với Việt Nam

Đời với mọi mặt quốc gia, vốn để nợ công tác động đến các chính sách tài khóa, tiền tệ, an sinh xã hội, thuế giá... Nợ công là nợ sinh ra từ khu vực công. Khu vực công gồm: khu vực nhà nước (trung ương, địa phương), khu vực kinh tế công (có sự góp vốn, góp mặt của nhà nước)... Phải kể là dài dòng ra như vậy để thấy rằng có nhiều công ty quốc doanh thành công ty trách nhiệm hữu hạn, nhưng khi công ty phá sản, nhà nước không thể phải tay vịn trách nhiệm nợ của các

công ty này. Do đó Việt Nam, nhà công là một “độc sản” của Việt Nam – không thể tìm thấy ở Thái Lan, Philippin... và rất nhiều nước trên thế giới. Nghĩa là vốn đầu tư công của Việt Nam tăng rất nhanh ngay từ khâu đầu tiên, đầu tiên nghĩa thế nào là nhà công. Đây là nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt về tỷ lệ GDP trong năm 2009 giữa Việt Nam công bằng là 41% với Ngân hàng Thế giới (WB) là 47%, mà năm trước cũng vậy và năm nay vẫn chưa khác.

Một thế giới bí và một

Kinh tế và tài chính của Hy Lạp là một ca nghiên cứu kinh điển của nhiều chuyên gia kinh tế, lý giải quá trình hình thành và các diễn biến của kinh tế này từ rất nhiều công sản. Tỷ lệ GDP của Hy Lạp có khoảng 113% – không quá lớn so với nhiều quốc gia khác – thì sao lâm vào kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy: chính các hành vi dè dặt trong thế giới của Hy Lạp đã làm giảm đầu tư quốc tế một niềm tin, dân chúng trong nước bắt đầu tác động Hy Lạp rơi vào vòng xoáy bất ổn kinh tế. Mặc dù năm ngân sách năm 2008 của Hy Lạp công bằng là 5%, nhưng năm nay phát hành lên đến 14%. Bởi vì Hy Lạp là bài học điển hình của chế độ tăng trưởng tham vọng chính trị lên trên thế giới kinh tế. Tổng cục Thống kê Việt Nam thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhưng công tác thống kê tài chính lại hoàn toàn do Bộ Tài chính làm. Bên cạnh những con số thu nhập “bí” vì chưa bao giờ được tính toán ra, lại có quá nhiều con số thu nhập “mật” nên chúng tôi trình bày công khai được. Thế giới bí và một đã dẫn đến chuyển các công chức hầu như trách cũng chúng biến nước ngoài lấy đầu ra các số liệu về kinh tế Việt Nam, “chuyển trong nhà cửa tại, ngoài ngõ đã hay” ở trường hợp này thể hiện rất chí lý. Có thể nói về thế giới bí và một, tháng 5/2011 Tổng cục Thống kê báo cáo báo cáo áp dụng Hệ thống chuẩn quốc gia mới bao gồm 350 chuẩn và nhóm chuẩn. Đáng chú ý, Tổng cục này cũng công bố luôn là số chuẩn trình bày 297 chuẩn ngay trong năm 2011 và toàn bộ các chuẩn thì đi đến... đến năm 2015. Để cập nhật vốn đầu tư số liệu như vậy để có một cái nhìn chính xác hơn về con số nhà của Việt Nam.

Xuất phát từ các số số liệu hiện tại, thế giới Việt Nam hay phát ra những tín hiệu đi về với giới tài chính quốc tế là bất ổn, dè dặt và lo lắng. Tuy nhiên họ cũng hiểu rằng các yếu tố tâm lý tác động rất nhiều đến thế giới Việt Nam, vốn đầu tư đây không phải là tâm lý đám đông mà là niềm tin – niềm tin của người dân vào đồng nội tệ. Vì một lòng tin vào tiền đồng nên người dân đã chuyển tiền từ kim cương sang các tài sản khác an toàn hơn như vàng và bất động sản. Can thiệp bằng các biện pháp hành chính chỉ làm cho tình hình tệ hơn; chúng ta nên nhớ “tin đồn” của kinh doanh vàng trong thời gian vừa qua. Qua bài học Hy Lạp, giảm đầu tư và thế giới ra rất nhiều cảm xúc với việc xử lý minh bạch của chính quyền đi vay. Khi tính toán không đúng, không có hệ thống luôn ở nhà số khu vực, thì người thiến chỉ trong chi trả. Khi đã mất uy tín thì các khoản nợ dài hạn sẽ nhanh chóng chuyển thành nợ ngắn hạn, các chuẩn số sàng lọc ngay 100 triệu USD thay vì 1 tỷ USD mà phải đi 40 năm.

Nhà công và nhà nước ngoài

Những số liệu khi nhắc đến công bố trong nhà chức trách nước ngoài, vô giá trị trong việc tái dựng toàn cảnh thực trạng nhà công Việt Nam. Những dữ kiện các số liệu bên ngoài là cách bịt đậy dĩ khi bàn chuyện nội tình, song tính đến thời điểm hiện nay, đó là phương cách duy nhất đáng tin cậy.

Theo tạp chí kinh tế The Economist, tính từ thời điểm 8h10' ngày 1/9/2011 theo giờ Việt Nam, có các số liệu sau:

- Tổng nhà công của Việt Nam: 44,795 tỉ USD (2009), 50,294 tỉ USD (2010), 56,061 tỉ USD (2011).
- Nhà công tính trên bình quân mỗi người Việt Nam: 516,62 USD (2009), 574,28 USD (2010) và 633,95 USD (2011).
- Nhà công/GDP: 50,7% (2009), 51,7% (2010) và 50,9% GDP (2011) (1).

Để chi tiết về Factbook của CIA, ghi nhận về Việt Nam như sau:

- Nhà công/GDP: 49,8 % (2009). Năm 2010, tỉ lệ nhà công/GDP: 57,10%, Việt Nam đứng hàng thứ 41/133 quốc gia và lãnh thổ (2).

Nhà nước ngoài chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu nhà công ở Việt Nam. Theo số liệu không chính thức từ WB năm 2010, bao trùm lên 42,2% GDP nhà nước ngoài là khoản nhà công của Việt Nam chiếm 56,6% GDP. Căn cứ theo số liệu về nhà nước ngoài của Bộ Tài chính Việt Nam công bố trong bản tin số 7, có thể tính ra nhà công của Việt Nam đến cuối năm 2010: khoảng 59,1 tỉ USD.

Vấn đề nhà công ở Việt Nam đang trong tình trạng mất mê hồn trận, bởi đến nay không hề có một chỉ số nào công bố về vay nợ và trả nợ đến công bố mà các số liệu như: bản đồ thế giới. Khi trả lời về gánh nặng ngân sách sẽ tăng lên theo nghĩa vụ nợ, một quan chức có thẩm quyền phát biểu: “năm nay chúng ta trả nợ 1,5 tỉ USD tương đương với 15% thu ngân sách chi ngân hàng. Năm sau chúng ta trả nợ 2 tỉ USD cũng tương đương 15% thu ngân sách... Tức là khi quy mô nền kinh tế chúng ta lớn thêm, thu ngân sách chúng ta to lên thì việc tăng mức trả nợ sẽ không có áp lực hay vấn đề gì cả” (3). Nghe thì thật sự đáng tai hại nhưng... ông ấy đã nói rõ tất cả những điều. Chẳng hạn ông ấy bói đâu ra quan điểm này, một khi thực tế là tốc độ tăng trưởng đang

giảm, hàng s ICOR của Việt Nam đang cao ngót ngẹt ng.

Riêng về nợ nước ngoài, để chi u về Factbook của CIA, thấy ghi nhận về Việt Nam như sau:
- Nợ nước ngoài: 28,67 tỷ USD (2009). Năm 2010, nợ nước ngoài là: 32,81 tỷ USD. Việt Nam đứng hàng thứ 63 trên thế giới (4).

Thời gian vừa qua, có hàng loạt thông tin đưa ra hai con số: 42,2% GDP và 32,5 tỷ USD về số nợ nước ngoài của Việt Nam. Số là sai lầm nếu cho rằng: nợ nước ngoài của Việt Nam là: 32,5 tỷ USD; con số đó phải là: 44,1 tỷ USD ! Đây là con số tổng nợ nước ngoài bao gồm: nợ khu vực công (nợ của chính phủ + chính phủ bảo lãnh) + nợ thương mại của các doanh nghiệp trong nước. Trong tổng nợ này, riêng nợ nước ngoài của khu vực công là: 32,5 tỷ USD. Tất nhiên, đây chỉ là một con số tổng nợ nước ngoài để so sánh với Việt Nam.

Cần chú ý tin nợ nước ngoài số 7, và các chi phí tính đến 2010: trong nhóm chủ nợ song phương, nợ cho Việt Nam vay nhiều nhất là Nhật với 9,547 tỷ USD, thứ hai là Pháp với 1,167 tỷ USD, thứ ba là Nga với 568 triệu USD, thứ tư là Trung Quốc với 551 triệu USD. Trong nhóm chủ nợ đa phương: đứng đầu là IDA (Hiệp hội Phát triển Quốc tế) với 6,930 tỷ USD, kế tiếp là ADB (Ngân hàng Phát triển châu Á) với 4,174 tỷ USD (5).

Đặc biệt là tất cả các tài liệu trong cũng như ngoài nước, hoàn toàn không thấy nơi nào ghi đích danh con nợ. Trên website của The Economist trang ghi nhận số liệu về công các quốc gia, bên dưới thấy loáng thoáng vài dòng giới thích: “chính phủ nên tiến về công dân của chính họ, chứ không phải vì người sao Hỏa”. Và “khi nền tăng nhanh hơn số nền kinh tế thì có nghĩa: số cán thiệp của nhà nước vào nền kinh tế sẽ nhiều hơn và thu trong tương lai sẽ cao hơn” (6). Tất cả những công dân trong quốc gia đó chính là con nợ của các khoản vay nước công. Nhưng trên chính tiến thu của người dân và tài nguyên quốc gia.

Lo ngại về công là một cảm xúc chính đáng, bởi phải biết rằng giới quy định đối tượng công là ý kiến không đồng. Trong khi đó lãi suất trung bình nợ nước ngoài của chính phủ lại có xu hướng tăng nhanh, từ 1,54%/năm (2006), lên 1,9%/năm (2009) và đến 2,9%/năm (2010). Một khi lạm phát thâm hụt ngân sách bắt đầu ra thì nguy cơ về nền lạm phát hiện. Thế cho thấy chỉ có thể làm cho giá trị công trở nên “nhỏ” hơn khi xét trong tổng GDP bằng cách đẩy GDP tăng lên. Đó là trường hợp của nước M giai đoạn 1946 – 1956, từ đó nền công so với GDP giảm xuống còn một nửa trong vòng 10 năm. Và đây là câu chuyện ngày xưa và thời kỳ trước...

Các vấn đề liên quan nợ công

So sánh tổng nợ nước ngoài với GDP là nhóm so sánh nợ với những gì mà quốc gia làm ra, để xác định khả năng trả nợ của quốc gia đó. Trong nợ công còn có phần quốc hữu trí – đây là cách tính nợ công tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc, vấn đề này hiện nay bỏ bít khi tính nợ công Việt Nam. Chính chủn câu chuyện này sẽ nóng vào năm 2017: thời điểm Việt Nam thành quốc gia có dân số già, tới 10% dân số sẽ độ tuổi từ 60 trở lên. Cách tính khác biệt này lý giải tại sao có nhiều nước phát triển có tỷ lệ nợ công/GDP đến 80 – 90%/GDP, trong khi rất nhiều nước khác như: Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc... và Việt Nam có tỷ lệ nợ công/GDP xoay quanh mức 50% – mà WB lại khuyến cáo.

Còn phải khẳng định rõ vay nợ nước ngoài không phải là điều gì xấu. Các nước đang phát triển và phát triển trên thế giới đều có vay nợ nước ngoài. Vay nợ nước ngoài chủ yếu nên đáng kinh tế khi ai đó (?) đang chuyển công vào việc tốt, đem nợ công xoay ra thành tài sản cá nhân nhà mình. Thế nhưng tình trạng nợ công khiến người ta lo ngại vì chính quyền đã bỏ chi ngân và vay mượn quá nhiều trong khi chưa hề có một luật để minh bạch nào nhằm chuyển chi tiêu xài vô tội vạ này. Tình trạng bỏ chi ngân sách đã diễn ra trong nhiều năm: 5% GDP (2005 – 2008), 6,9% (2009) và 5,6% (2010).

Nếu hiểu theo đúng quá trình tăng nợ là việc tích số của nền kinh tế, với mức thù Việt Nam, có khoảng 30% nợ công đã không trở thành tài sản mà đã trôi đi đâu đó... (7). Tỷ lệ thoát của các công trình đầu tư nhà nước được chia cho tổng chi tiêu chính thức (không chính thức) là từ 15% đến 45%. Với số nợ nước ngoài công bố năm 2009 là 29 tỷ USD, có thể thấy phần thoát là từ 4 tỷ USD đến khoảng 10 tỷ USD (8).

Chỉ số ICOR

Trong lãnh vực nợ công Việt Nam, cách hành xử công nợ là vấn đề quan trọng nhất. Tuy cách hành xử này nảy sinh định nghĩa về nợ của Việt Nam “độc thù” so với quốc tế, từ đây dẫn đến những lại gần: nợ công trở thành một rào cản lớn của kinh tế Việt Nam. Chính có gì quá đáng khi cho rằng rào cản nợ công Việt Nam có thể vượt tầm phát và thế giá. Thế nhưng chính từ việc thu xếp cho mục đích tạo ra môi trường phát triển kinh tế, không thể làm ngược lại: bỏ hoặc nền kinh tế theo hướng nuôi dưỡng một thế chế chính trị. Chính những nền kinh tế được dung dưỡng từ các thế chế chính trị được tài lộc luôn chứa đựng nguy cơ đổ vỡ hoặc thế kỷ khi gặp các cú shock kinh tế. Thế nhưng bí và một vài các số liệu nợ công là hành vi ngạo mạn, trịch thượng của chính quyền hiện hành đối với nhân dân. Bằng việc công bố trên gói thiêu diến giải các khoản nợ vay hàng

vài chục tỷ USD, chủ đầu tư mua sắm pháp hóa các khoản bị nã thuế công. Qua vấn đề này công, người ta càng có dịp hiểu rõ thuế nào là một chủ đầu tư bất hợp hành vi trốn thuế, một chủ đầu tư kleptocracy.

Tuy nhiên tuy nhiên nhà công không phải ảnh hưởng đến các mức độ nghiêm trọng, điều quan trọng hàng đầu trong vấn đề nhà công nằm ở chỗ: hiểu được xu hướng đầu tư vay. Tỷ lệ liên quan đến chỉ số ICOR (Incremental Capital – Output Rate), đo lường hiệu quả đầu tư. ICOR càng cao thì chi phí đầu tư hiệu quả đầu tư càng thấp. Chỉ số ICOR năm 2010 là 6,9, nói chung là phải là 6,9 đầu tư đầu tư mới đầu tư 1 đầu tư tăng trưởng; trong khi đó Trung Quốc là 4,1, Nhật là 3,2, Hàn Quốc là 3,2, Đài Loan là 2,7 (9). Chỉ số này cao hơn nhiều so với khuyến cáo của WB: đối với một nước đang phát triển, chỉ số ICOR phải là đầu tư có hiệu quả và nền kinh tế phát triển theo hướng bền vững. So sánh với các nước trong khu vực, ICOR của Việt Nam gần gấp đôi. Riêng năm 2008, chỉ số ICOR chung của nền kinh tế Việt Nam là 8, thì ICOR của khu vực kinh tế nhà nước lên tới 12 – thuộc hàng cao nhất thế giới. Rồi sang sang 8 tháng đầu năm 2009, tổng số vốn chi cho khu vực này tăng gấp đôi so với cùng năm 2008. Phải nêu rõ ra như vậy mới thấy hiệu quả đầu tư của các công trình kinh tế quốc doanh đang chiếm vai trò chủ đạo ở Việt Nam; cũng như đầu tư các khoản nhà công đầu tư. Nên trong điều kiện này, nhà công như một bóng ma giữa ban ngày chúng ta có thấy ai thấy, nhất là những người dân bình thường. Bởi vì nhìn chung là cần phải đầu tư của các cơ quan nhà nước và khu vực kinh tế công đã đầu tư các khoản nhà công này.

Những điều kiện bất lợi tiếp cận với nhà công có thể tạo ra những hiểu lầm không lường trước. Chúng ta nhìn xu hướng mức giá của đầu tư đang diễn ra liên tục và ngày càng nghiêm trọng cũng khiến cho những nhà đầu tư ngoài không ngừng phình ra. Đầu tháng 8/2011, hãng đánh giá tín dụng toàn cầu Fitch Ratings nói rằng bất kỳ tín dụng và ngoại tệ của Việt Nam có mức khả tín B+. Đây là mức ngang với Hồng Kông và Venezuela nhưng thua Philippines và Indonesia (10). Fitch còn cho rằng, nhà công Việt Nam vượt quá 50% GDP là cao hơn mức trung bình 37% đối với hàng B (11). Ngày 19/8/2011, hãng định mức tín nhiệm Standar & Poor's hạ mức tín nhiệm từ BB xuống BB-, mức thấp nhất so với các nước Đông Nam Á, chỉ ngang bằng với Bangladesh và Hồng Kông. Khi niềm tin mất, mọi thứ sẽ sụp đổ rất nhanh. Khi đó điều hành vĩ mô của chủ đầu tư đã khiến các nhà đầu tư hoang mang, họ không hiểu chính quyền Việt Nam mua cái gì giữa duy trì tăng trưởng và ổn định vĩ mô.

Thời gian qua có quá nhiều bình luận xung quanh vấn đề của M, khiến cho các Tổng thống M cũng liên tục “phân bua” về việc này. Cùng với hãng S&P làm thêm cú knock out quá hợp, họ định mức tín dụng Hoa Kỳ... Những những nước như Trung Quốc và Việt Nam thì thuộc nhóm, chủ yếu chỉ là không hề có những cuộc tranh cãi rõ ràng là “linh tinh” như trên. Việt Nam có bình tĩnh đi vay, những doanh nghiệp đầu tư nhà nước đầu tư càng thoải mái hơn – bởi trong hệ thống luật không hề có bất kỳ một quy định nào về mức nợ tối đa mà chính quyền có thể đi vay. Như Trung Quốc hiện đang nổi danh là quốc gia chủ nợ của M. Song mức nợ thực

Số của Trung Quốc là bao nhiêu thì ngay cả chính quyền Trung Quốc cũng khó đưa ra được con số chính xác về lãnh vực này. Việt Nam cũng vậy, cách để phổ biến niềm tin và tình trạng nền công là có giới hạn đi các khoản nợ. Khi tỷ lệ nợ/GDP lên hơn 40% là đáng nghĩa chính sách tài giá bất ổn định hàng loạt. Trong việc chi trả nợ công, đáng ngại là đóng vai trò các khoản quan trọng. Với lượng nợ trả ngoại tệ thấp (tổng nợ ngoại tệ đã 2 tháng nhập khẩu), ngân hàng (NH) Nhà nước không đủ khả năng hỗ trợ cho đáng ngại là. NH Nhà nước đã dùng các mệnh lệnh hành chính để cái “nhầm và bất khả thi” này xuống các NH thương mại và cộng, mà lẽ ra phải cho vay tổng nợ ngoại tệ là làm phát triển kinh tế đáng ngại thái độ cây này. Các mệnh lệnh hành chính mà niềm tin đáng ngại là nên mất trong các kế hoạch bổn nhiệm vụ o giặc như sau: tình trạng làm phát triển nguỵ nên lẽ ra phải giảm trong tháng 9 rồi mới chuyển quay trở lại như cũ – thậm chí làm phát triển mệnh lệnh – trong tháng 10/2011. Số này mùa điền độ của chính sách tiền tệ không thể che giấu được những khu vực tốt trong chính sách tài khóa.

Đến nay các đồng báo và tổng lại kinh tế thế giới và ra không mấy lý quan: trải dài từ cung cấp “có thể xảy ra để suy giảm không quá nghiêm trọng” đến “đã bước chân vào một vòng suy thoái mới”. Kinh tế của 3 khu vực, châu Âu và Nhật Bản đều trì trệ, đáng nghĩa và vì việc xuất khẩu sẽ càng vượt hơn. Còn với một đồng nghiệp: xác suất xảy ra khủng hoảng toàn cầu hiện nay là trên 50%. Quan điểm lý quan nhất thì cho rằng cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới sau khủng hoảng 2008 – 2009 có thể sẽ mang hình chữ W thay vì chữ V.

Kết luận

Trong bối cảnh dân chúng không tin đáng ngại là, nhà đầu tư quốc tế nghi ngờ chính sách quốc gia thì công nợ nền kinh tế đã rất cần kế hoạch. Thước chốt những vấn đề nên thâm nhập cần thận trọng mới, hỗ trợ ngân hàng kém bản năng, lượng nợ trả ngoại tệ yếu... kể cả làm phát cũng chỉ là những “rủi ro nhất thời” – đều có thể vượt qua – so với quốc gia mới niềm tin. Bởi xét đến cùng, làm phát chỉ là một biểu hiện của khủng hoảng kinh tế; còn tại hạ một niềm tin là biểu hiện của một khủng hoảng lớn hơn: khủng hoảng xã hội – cái không gian của đáng ngại những vấn đề hành của nền kinh tế yếu. Bởi ra biểu hiện để bất cá nhân là một khu vực tích cực, bởi chúng ta có thể ép họ để họ mình phải bị ra biểu hiện; hoặc chúng ta vì tiếp cận phần còn lại của khu vực khó để “tích cực” kia: bởi ra biểu hiện để bất cá nhân, những người của biểu hiện thì sẽ... chết lặng!

Nếu xét mức công bình quân đầu người trong vòng 8 năm (2001 -2009), số thay đổi mức này đã tăng gần 4 lần, tức trung bình hơn 18%/năm; trong khi tốc độ tăng GDP bình quân đầu người của cùng thời kỳ chỉ là 6%/năm. Đáng và những người quốc gia để với các khoản nợ nước ngoài, ngày nào đó sẽ còn xem đó là nước của anh Ba, chú Tí hoặc của người sao Hỏa... thì nhân dân Việt Nam sẽ còn trải nghiệm dài dài. Rồi một ngày con cháu mình vẫn chưa hết, một

khi, chúng ta không giữ quy&#t xong c&#c n&# đang ng&#i ch&#m h&#m & Ba Đình kia.

Bangkok, Ngày 2/9/2011

© Nguy&#n Vi&#t

Chú thích:

(1), (6) http://www.economist.com/content/global_debt_clock

(2), (4)

<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/vm.html>

(3) Ông Nguy&#n Thành Đô – C&#c tr&#&ng C&#c Qu&#n lý n&# và Tài chính đ&#i ngo&#i (B&# Tài chính).
V&# này cũng là Tr&#&ng Ban Biên t&#p B&#n tin N&# n&#&c ngoàì.

<http://vneconomy.vn/20110817112939199P0C5/ca-phe-cuoi-tuan-nong-chuyen-vay-nuoc-ngoai.htm>

(5) Bi&#u s&# 4.04, B&#n tin n&# n&#&c ngoàì s&# 7.

(7)<http://vneconomy.vn/20110829050653953P0C6/rui-ro-no-cong-co-the-vuot-lam-phat-va-ty-gia.htm>

(8)<http://vneconomy.vn/20101211021246386p0c9920/no-cong-vay-va-tra.htm>

(9) Theo Tài n s Tr n Đình Thiên, Vi n Kinh t Việt Nam.

<http://www.sgt.com.vn/Kinh-te/126489/Chi-so-ICOR-VIET-NAM-dan-dau.html>

Con s này t ng đ ng v i m t ngu n t Ngân hàng Nhà n c: ch s ICOR năm 2010 là 6,2.
<http://sbv.gov.vn>

(10)http://www.bbc.co.uk/vietnamese/business/2011/08/110809_vietnam_rating.shtml

(11)<http://vneconomy.vn/2011081111112859p0c6/fitch-khuyen-nghi-viet-nam-tiep-tuc-that-chat-tien-te.htm>

Tham kh o:

- Dainamax Magazine

<http://www.dainamax.org/>

- Economist Intelligence Unit. Các báo cáo: Country Forecast Vietnam Aug 2011 (16 p.), Country Risk Service Vietnam Aug 2011 (23 p.), Country Report Vietnam Aug 2011 (24 p.).

- ACB, Asian Development Outlook 2011: South-South Economic.

- Bản tin nội bộ ngoài số 7, Báo Tài chính, tháng 7/2011, 36 trang